TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 02 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 727/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tự tìm hiểu nhau, chị N và anh H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2019

thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến gia đình và có tình cảm với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến tháng 5/2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 02/01/2014, hiện nay đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Trúc N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thúy V và Nguyễn Thị Trúc Q; không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Trúc N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì không còn tiếng nói chung, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm gia đình, không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu và có tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm tháng 5/2023 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị N và anh H và bản thân chị N cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Về quan hệ hôn nhân, chị N yêu cầu được ly hôn với anh H; về con chung, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 02/01/2014, hiện nay đang sống với chị N; chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc N. Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Thị Trúc N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Chị Nguyễn Thị Trúc N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 02/01/2014; anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con chung, anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 21/02/2024, anh Nguyễn Văn H có cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nhưng thường vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn, khi đi không có trình báo chính quyền địa phương nên không xác định được anh Nguyễn Văn H đi đâu và thời gian trở về. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của anh Nguyễn Văn H tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Trúc N khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H, yêu cầu được tiếp tục chăm, sóc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Văn H (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Đồng thời, tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Trúc N cho rằng, chị N và anh H do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến năm đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu và có tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống ly thân từ năm 5/2023 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; gia đình hai bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị N và anh H nhưng không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

Anh Nguyễn Văn H đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc N.

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Trúc N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị N theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị N và anh H theo quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện anh Nguyễn Văn H không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H nên lời trình bày của chị N về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị N yêu cầu ly hôn anh H phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Nguyễn Thị Trúc N xác định chị N và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 02/01/2014, hiện nay đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị N và anh H ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị N, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Nguyễn Thị Thúy V và cháu Nguyễn Thị Trúc Q sinh sống với chị N cho đến nay nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng; quá trình sinh sống với chị N, cháu V và cháu Q được đi học và phát triển bình thường. Để ổn định cuộc sống cho cháu V và cháu Q, giúp cháu V và cháu Q phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị N và anh H ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị N và anh H ly hôn nên anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Nguyễn Thị Trúc N không yêu cầu anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Trúc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/2011, quyển số 01/2011, ngày 18/4/2011 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Trúc N và anh Nguyễn Văn H không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Trúc N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 02/01/2014. Hiện nay đang sống với chị Nguyễn Thị Trúc N.

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Trúc N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0014269 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang